TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-PT
Ngày: 17 – 4 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích V**, sinh năm 1985. Địa chỉ: phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích V có: bà **Phạm Diễm T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phan Minh H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Phan Minh H có: bà **Trần Thị Huỳnh N**, sinh năm 1996. Địa chỉ làm việc: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Bùi Tấn L**, sinh năm 1984. Địa chỉ: phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh **NLC1** (xin vắng mặt).

2/ Anh **NLC2** (xin vắng mặt).

3/ Anh **NLC3** (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà **Nguyễn Thị Bích V** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/7/2022 và lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V có bà Phạm Diễm T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị Bích V và ông Phan Minh H là chỗ quen biết nên ông H đã nhiều lần vay tiền của bà V, các lần vay cụ thể như sau: ngày 10/11/2018 ông H vay 100.000.000đ, ngày 23/9/2018 ông H vay 100.000.000đ; ngày 30/5/2019 ông H vay 200.000.000đ; ngày 11/07/2019 ông H vay 209.000.000đ; ngày 30/8/2019 ông H vay 114.000.000đ; tháng 01/2020 ông H vay 37.000.000đ; vào năm 2021 do làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có tiền nên ông H vay tiếp của bà V thêm 25.000.000đ. Tổng cộng số tiền ông H đã vay của bà V là 785.000.000đ. Các lần vay giữa bà V và ông H không làm biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng. Ông H có giao hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V giữ, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706463, số vào sổ CS04734 thửa đất số 2011, tờ bản đồ số 45, diện tích 4093,0 m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên quyền sử dụng đất; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706466, số vào sổ CS04737 thửa đất số 2014, tờ bản đồ số 45, diện tích 200,0 m^2 loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; với thỏa thuận khi nào ông H trả đủ tiền, bà V sẽ trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nêu trên) cho ông H. Sau khi vay ông H chỉ trả được 16.000.000đ, còn nợ lại 769.000.000đ. Nay bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

xem xét, giải quyết buộc ông Phan Minh H có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ là 769.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; bà V đồng ý trả lại hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Minh H.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 24/5/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Minh H trình bày:

Ông có nhờ bà V (do bà V có mối quen biết với những người làm thủ tục giấy tờ liên quan đến đất đai) giới thiệu làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên hộ bà Nguyễn Thị Hạnh (mẹ ông) sang tên ông theo thủ tục chuyển nhượng. Hai bên thỏa thuận phí dịch vụ là 9.000.000đ, ông trả ông L (người trực tiếp làm giấy tờ) 5.000.000đ, còn lại 4.000.000đ thỏa thuận khi nào ông nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông trả tiếp cho ông L; hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không làm giấy tờ gì. Trong thời gian làm giấy tờ, bà V có gọi điện thoại cho ông nói chi phí thủ tục làm giấy tờ còn 25.000.000đ nữa, ông nói ông không có tiền và có nhờ bà V chuyển tiền nhờ ông L lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Sau khi làm xong hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông; ông L giao cho bà V giữ cho đến nay.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà V, ông đồng ý trả bà V 25.000.000đ tiền mượn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn đối với các khoản khác thì ông không đồng ý vì ông không có mượn hay vay tiền của bà V. Ông yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích V trả ông hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706463, số vào sổ CS04734 thửa số 2011, tờ bản đồ số 45, diện tích 4093,0m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên quyền sử dụng đất; và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706466, số vào sổ CS04737 thửa đất số 2014, tờ bản đồ số 45, diện tích 200,0m^2 loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/9/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tấn L trình bày:

Vào năm 2019 qua các mối quan hệ quen biết ông có nhận làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Minh H. Ông có biết giữa ông H và bà V có mối quan hệ làm ăn với nhau, nên việc làm giấy tờ đất cho ông H thì bà V cũng biết; nhưng cũng không có thỏa thuận gì khác. Ông là người trực tiếp thỏa thuận với ông H: ông làm thủ tục tách quyền sử dụng đất từ tên hộ ông Phan Văn Lộc, bà Nguyễn Thị Hạnh (là cha mẹ ông H) sang tên ông Phan Minh H và ông Phan Long Hải (anh ruột ông H). Hai bên thỏa thuận công việc là ông đi thành phố Hồ Chí Minh để gặp cha mẹ và anh em ông H để ký hồ sơ - tiền phí dịch vụ là

9.000.000đ (bao gồm tiền thuê xe, tiền công của ông và công chứng viên làm các giấy tờ); sau khi thực hiện xong công việc ông Hải có chuyển khoản cho ông là 5.000.000đ. Do đất của cha mẹ ông H đứng tên thì phải làm thủ tục tách thửa xong rồi mới làm thủ tục chuyển nhượng cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất. Vì vậy sau khi làm thủ tục tách thửa xong, ông H có nói với ông khi ông làm thủ tục giấy xong (ông H được đứng tên quyền sử dụng đất) thì ông H gởi tất cả các khoản phí cho ông luôn. Trong thời gian làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, do không liên lạc được ông H nên ông gọi điện thoại cho bà V hay; bà V có chuyển khoản cho ông 25.000.000đ (do trước đó ông H có nói với ông làm nhanh giấy tờ dùm để ông H nhờ bà V thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm ông H) để ông đóng thuế và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H ra. Sau khi ông lấy 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông H đứng tên quyền sử dụng đất) thì ông giao cho bà V giữ và ông có nói với ông H hay là bà V đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Hiện nay ông H còn nợ ông tiền phí (làm giấy tờ - ký hồ sơ khi đi thành phố Hồ Chí Minh) là 4.000.000đ. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2022 người làm chứng anh NLC3 trình bày: Anh là người làm công của bà V từ năm 2017-2020. Thời điểm này bà V kinh doanh trò chơi điện tử (game bắn cá). Anh là thợ sửa chữa máy game cho cơ sở của bà V. Anh có biết ông Phan Minh H vì anh có thấy ông H thường đến quán bà V chơi. Vào các năm 2018, 2019 anh có nhận tiền của bà V đưa để đi đến phường Thành Phước, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long là nơi ở của ông H để giao tiền cho ông H nhưng số tiền của ai, bao nhiêu tiền và giao để làm gì thì anh không biết. Anh chỉ nhận lời của bà V là giao lại cho ông H. Anh đã đi giao tiền rất nhiều lần từ bà V cho ông H, anh không nhớ chính xác số lần giao. Việc ông H có vay tiền của bà V hay không thì anh hoàn toàn không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2022 người làm chứng anh NLC1 trình bày: Anh là bạn của bà V trong việc làm ăn. Vào khoảng tháng 5 năm 2019 bà V có vay của anh số tiền 200.000.000đ. Đến tháng 7 năm 2019 bà V tiếp tục vay của anh số 200.000.000đ. Qua các lần vay tiền, bà V đều nói với anh là vay tiền để cho ông Út (ông Phan Minh H) vay lại. Anh là người giao tiền trực tiếp cho bà V, các lần đến nhận tiền bà V đến một mình. Sau đó bà V có giao lại cho ông H hay không thì anh hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, sau đó khoảng 6 tháng sau, bà V đã trả lại số tiền đã vay của anh xong. Anh không biết ông Út (ông Phan Minh H) là ai và cũng không biết việc bà V có cho ông H vay tiền hay không.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2022 người làm chứng anh NLC2trình bày: Anh là người làm công của bà Bích V từ năm 2017-2020. Thời điểm này bà V kinh doanh vật liệu xây dựng, anh là thợ pha sơn cho cơ sở của bà V. Anh có biết

ông Phan Minh H (còn gọi là ông Út). Vì khoảng thời gian anh làm cho bà V, bà V có nhờ anh đến nhà ông H để giao tiền cho ông H, cũng có khi là giao tiền ở quán cà phê. Anh không biết số tiền bà V giao cho ông H là bao nhiêu và cũng không biết là tiền gì, của ai. Anh đã đi giao dùm bà V rất nhiều lần (khoảng hơn 10 lần). Việc ông H có vay tiền của bà V hay không thì anh hoàn toàn không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã xử;

Áp dụng các Điều 463, 466, 469, 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 229 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V.

Buộc ông Phan Minh H có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Minh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích V có trách nhiệm trả ông Phan Minh H Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706463, số vào sổ cấp GCN CS04734 thửa đất số 2011, tờ bản đồ số 45, diện tích 4093,0m^2 loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên; và Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706466, số vào sổ cấp GCN CS04737 thửa đất số 2014, tờ bản đồ số 45, diện tích 200,0m^2 loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Minh H đứng tên; hiện 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do bà Nguyễn Thị Bích V đang giữ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết buộc ông Phan Minh H trả cho bà V số tiền 769.000.000đ, khi nào ông H trả đủ tiền bà V tự nguyện trả ông H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm

- Bà Phạm Diễm T đại diện cho bà Nguyễn Thị Bích V giữ yêu cầu kháng cáo là bà V yêu cầu ông Phan Minh H trả bà V số tiền 769.000.000đ và rút lại phần kháng cáo khi nào ông H trả đủ tiền thì bà V tự nguyện trả ông H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..

- Bà Trần Thị Huỳnh N đại diện cho ông Phan Minh H không đồng ý theo kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V. Bà N trình bày ông H chỉ đồng ý trả bà V số tiền 25.000.000đ. Ông H yêu cầu bà V trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu ông Phan Minh H trả số tiền 769.000.000đ là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà V rút lại một phần yêu cầu kháng cáo. Xét việc rút một phần kháng cáo của bà V là tự nguyện, phù hợp theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bà V đã rút kháng cáo. Bà V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 12/12/2022, ngày 26/12/2022 bà Nguyễn Thị Bích V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V còn trong hạn luật định, bà V đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích V rút lại một phần yêu cầu kháng cáo về việc bà V chỉ đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Minh H khi ông H trả đủ tiền cho bà V. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V là tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo bà V đã rút.

- Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị Bích V trình bày do chỗ quen biết nhau nên bà V có cho ông H vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 785.000.000đ. Cụ thể vào các ngày tháng năm như sau: ngày 10/11/2018 ông H vay 100.000.000đ, ngày 23/9/2018 ông H vay 100.000.000đ; ngày 30/5/2019 ông H vay 200.000.000đ; ngày 11/07/2019 ông H vay 209.000.000đ; ngày 30/8/2019 ông H vay 114.000.000đ; tháng 01/2020 ông H vay 37.000.000đ; vào năm 2021 do làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không có tiền nên ông H vay tiếp của bà V thêm 25.000.000đ. Việc cho vay tiền giữa bà V và ông H không có làm giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó ông H có trả cho bà V được số tiền 16.000.000đ, còn lại 769.000.000đ ông H chưa trả, ngoài ra bà V còn trình bày sau khi vay tiền ông H có giao cho bà giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử đất do ông H đứng tên. Bà V có đòi tiền ông H nhiều lần nhưng ông H cứ hẹn mà không chịu trả, nên bà V khởi kiện yêu cầu ông H trả bà số tiền 769.000.000đ. khi nào ông H trả đủ tiền cho bà V thì bà V tự nguyện trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

Phía ông H thì không thừa nhận có vay tiền của bà V. Ông H thừa nhận chỉ có mượn của bà V số tiền 25.000.000đ khi nhờ bà V làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên ông H không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà V, ông H chỉ đồng ý trả bà V 25.000.000đ và ông H yêu cầu bà V trả ông 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất..

[2] Xét việc bà V trình bày có cho ông H vay mượn tiền với tổng số tiền ông H còn nợ là 769.000.000đ, việc bà V cho ông H vay mượn tiền không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận miêng. Ông H thì không thừa nhận có vay mượn tiền của bà V. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, bà V có cung cấp được một số tin nhắn qua lại trên mạng xã hội Zalo giữa bà V với ông H thể hiện bà V có nhắn tin đòi tiền ông H và ông H cũng trả lời tin nhắn là hứa sẽ trả tiền cho bà V. Mặc dù tin nhắn không thể hiện bà V đòi ông H số tiền cụ thể là bao nhiêu, nhưng qua nội dung trò chuyện giữa bà V và ông H có đủ căn cứ xác định ông H có nợ tiền bà V.

Tại cấp phúc thẩm bà V có yêu cầu đối chất với ông H. Tòa án có triệu tập ông H để đối chất giữa bà V với ông H vào ngày 07/4/2023 nhưng ông H có gửi đơn xin vắng không đến Tòa án để đối chất với lý do ông đã trình bày rõ tại cấp sơ thẩm, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long ông H trình bày là ông có nhắn cho bà V yêu cầu bà V giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông để ông vay tiền trả cho bà V. Ngoài ra ông H còn trình bày thêm là trước khi nhờ bà V làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã có vay tiền của bà V số tiền khoản

10.000.000đ đến 20.000.000đ, khi vay không có làm biên nhận và đã trả xong số tiền này. Lời trình bày này của ông H mâu thuẫn với lời trình bày của ông H tại bản khai ngày 24/5/2022, trong bản khai ngày 24/5/2022 ông H trình bày ông hoàn toàn không có mượn hoặc vay tiền của bà V. Từ đó cho thấy lời khai của ông H khi thì có vay mượn tiền của bà V, khi thì không có vay mượn tiền của bà V. Mặc khác, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm 12/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân thể hiện khi thành viên Hội đồng xét xử hỏi người đại diện theo ủy quyền của ông H bằng câu hỏi *"Số tiền 769 triệu đồng là tiền mà ông H mượn của bà V phải không?"* Bà N đại diện cho ông H trả lời *"Đây là khoản tiền làm ăn lâu năm rồi hai bên rất nhiều lần đưa tiền qua lại chứ đây không phải tiền ông H mượn của bà V"*. Lời trình bày này của người đại diện theo ủy quyền của ông H chứng minh được ông H có nhận tiền từ bà V.

[3] Từ những nhận định phân tích trên có căn cứ xác định ông H có nhận của bà V số tiền 769.000.000đ. Án sơ thẩm chỉ buộc ông H trả bà V số tiền 25.000.000đ là không có căn cứ, nên chấp nhận kháng cáo của bà V, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H trả bà V số tiền 769.000.000đ. Do sửa án sơ thẩm nên phần án phí sơ thẩm cũng được xem xét lại cho phù hợp.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Bích V tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 298 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo bà Nguyễn Thị Bích V đã rút.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466, 469, 166, 579, 580 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V. Buộc ông Phan Minh H có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị Bích V số tiền 769.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Minh H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích V có trách nhiệm trả ông Phan Minh H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706463, số vào sổ cấp GCN CS04734, thửa đất số 2011, tờ bản đồ số 45, diện tích 4093,0m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Do ông Phan Minh H đứng tên; và bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 706466, số vào sổ cấp GCN CS04737, thửa đất số 2014, tờ bản đồ số 45, diện tích 200,0m^2 loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, Do ông Phan Minh H đứng tên. Hiện 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do bà Nguyễn Thị Bích V đang giữ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Phan Minh H phải nộp 34.760.000đ (ba mươi bốn triệu bảy trăm sáu chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án sơ thẩm ông H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0013686 ngày 21/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Ông Phan Minh H còn phải nộp thêm 34.460.000đ (ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Buộc bà Nguyễn Thị Bích V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà V đã nộp 17.380.000đ (mười bảy triệu ba trăm tám chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013508 ngày 18/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 17.038.000đ (mười bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng) trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích V.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích V 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0013989 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long..

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐẶNG VĂN LỘC